

Số: 3829/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương hướng, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2015, định hướng đến năm 2020

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CÔNG VẬN ĐẾN
Số:.....
Ngày 28 tháng 11 năm 2013

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt, quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 20/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 10/09/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1734/QĐ-TTg ngày 01/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn sau 2020; Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 21/1/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông;

Căn cứ Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 15/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

*Chuyển
Phòng TTĐT
quét đăng
và làm tin
Đánh*

Căn cứ Quyết định số 05/2011/QĐ-TTg ngày 24/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 22/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thủ đô đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1071/QĐ-BGTVT ngày 24/4/2013 của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 8/7/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt Chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ;

Căn cứ văn bản số 3232/VPCP-KTN ngày 24/4/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và sông Hồng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam tại Tờ trình số 27/TTr-TCĐBVN ngày 14/3/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương hướng, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông (KCHTGT) vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển

- Thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-TW ngày 1/7/2004 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 tại Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống KCHTGT đồng bộ.

- Định hướng phát triển KCHTGT vùng đồng bằng sông Hồng phù hợp với định hướng, quan điểm phát triển kinh tế - xã hội vùng; chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải quốc gia, địa phương; quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

- Đầu tư KCHTGT vùng phải đi trước một bước, nhanh chóng hình thành hệ thống giao thông đồng bộ, liên hoàn và kết hợp được các hình thức vận tải, đáp ứng yêu cầu và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của vùng, hội nhập mạnh hơn với cả nước, với khu vực và quốc tế.

- Đầu tư phát triển KCHTGT phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh - quốc phòng, phù hợp với chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ; lựa chọn những công trình trọng điểm cấp bách mang tính động lực vùng và sắp xếp thứ tự ưu tiên phù hợp với khả năng bố trí nguồn lực.

- Huy động mọi nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn trong dân, các nguồn vốn hợp pháp khác trong và ngoài nước để đầu tư KCHTGT vùng.

2. Định hướng phát triển KCHTGT vùng đến năm 2020

- Phân đầu đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống quốc lộ hiện có; đẩy nhanh tốc độ xây dựng mạng lưới đường bộ cao tốc, phân đầu đến năm 2020 hoàn thành khoảng 500 km đường bộ cao tốc. Phối hợp với các địa phương tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, 100% đường nông thôn được cứng hoá mặt đường.

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp để khai thác có hiệu quả mạng đường sắt hiện có, trong đó ưu tiên nâng cấp đường sắt Bắc - Nam đạt tốc độ 50 - 60 km/h đối với tàu hàng, 80 - 90 km/h đối với tàu khách; Từng bước kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn; hoàn thành tuyến đường sắt Yên Viên - Phủ Lại - Hạ Long - Cái Lân, Cát Linh - Hà Đông, Nhôn - ga Hà Nội; Triển khai đầu tư tuyến Nam Thăng Long - Thượng Đình, Yên Viên - Ngọc Hồi (giai đoạn 1); Tiếp tục nghiên cứu để đầu tư vào thời điểm thích hợp các tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Đồng Đăng - Hà Nội, đường sắt Bắc - Nam mới khổ 1435 mm.

- Tiếp tục đưa vào cấp kỹ thuật đảm bảo chạy tàu 24/24h hệ thống các tuyến đường thủy nội địa đang quản lý, đồng thời phân đầu tăng chiều dài đường thủy nội địa được quản lý; xây dựng mới cảng container Phù Đổng, các cảng khách đầu mối tại Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và cụm cảng Ninh Bình - Ninh Phúc.

- Từng bước nâng cấp, mở rộng hệ thống cảng biển đáp ứng lượng hàng hoá thông qua trong từng thời kỳ; tập trung xây dựng một số bến cảng nước sâu đạt tiêu chuẩn quốc tế tại Lạch Huyện cho tàu trọng tải đến 100.000 DWT, Cái Lân cho tàu đến 50.000 DWT; phát triển cảng tại các huyện đảo với quy mô phù hợp đáp ứng nhu cầu phát triển và đảm bảo an ninh quốc phòng; nghiên cứu kết hợp chính trị và cải tạo, nâng cấp luồng đảm bảo tàu ra vào thuận lợi và đồng bộ với quy mô bến.

- Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không hiện có đáp ứng nhu cầu trong từng thời kỳ, đồng thời từng bước xây dựng các cảng hàng không mới theo quy hoạch. Hoàn thành nhà ga T2 Nội Bài trước năm 2016. Đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Cát Bi để đưa vào khai thác dân dụng.

- Giao thông đô thị:

Đối với giao thông đô thị Thủ đô Hà Nội, cải tạo, nâng cấp và mở rộng, kết hợp tăng cường công tác quản lý bảo trì để sử dụng hiệu quả KCHTGT đô thị hiện có; đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm gồm các trục chính đô thị, các trục hướng tâm, các tuyến vành đai, các tuyến vận tải bánh sắt khối lượng lớn, hệ thống giao thông tĩnh theo quy hoạch Thủ đô Hà Nội mở rộng để giải quyết tình trạng ùn tắc giao thông, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân. Phân đầu quỹ đất dành cho giao thông đô thị đạt 16 - 26%.

Đối với giao thông đô thị thành phố Hải Phòng và các thành phố, thị xã khác, hoàn chỉnh quy hoạch, từng bước phát triển hệ thống KCHTGT đô thị và vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu.

3. Kế hoạch thực hiện

3.1. Giai đoạn 2013 - 2015:

a) Đường bộ:

- Hoàn thành 4 tuyến đường bộ cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ (giai đoạn 4 làn cao tốc), Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Thái Nguyên, Hà Nội - Hải Phòng; Nghiên cứu huy động vốn đầu tư các tuyến cao tốc: Ninh Bình - Thanh Hóa, Hà Nội - Lạng Sơn, Hạ Long - Móng Cái.

- Đầu tư hoàn thành các dự án quốc lộ đã được bố trí vốn từ nguồn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ, ODA và các nguồn vốn khác, bao gồm: Quốc lộ 1, Quốc lộ 5, Quốc lộ 18 đoạn Uông Bí - Hạ Long, Quốc lộ 38 đoạn qua Bắc Ninh, Quốc lộ 39 đoạn qua Thái Bình, Quốc lộ 21B, Quốc lộ 12B đoạn qua Ninh Bình, Quốc lộ 10 các đoạn Tân Đệ - La Uyên và Ninh Phúc - cầu Diên Hộ, các nút giao Trung Hòa, Thanh Trì, hầm chui nút Thanh Xuân và cầu Vĩnh Thịnh, cầu Nhật Tân.

- Tích cực huy động vốn, từng bước nâng cấp xây dựng các tuyến: Quốc lộ 2, Quốc lộ 3, Quốc lộ 6, đường Vành đai 3 đoạn Mai Dịch - Nam Thăng Long, đường Vành đai 4 đoạn từ Quốc lộ 32 - Quốc lộ 6 - Quốc lộ 1 - Quốc lộ 5, một số đoạn tuyến trên Quốc lộ 10 đoạn qua thành phố Hải Phòng, Quốc lộ 18 đoạn qua Quang Hanh và đoạn Phả Lại - Uông Bí, Quốc lộ 38 đoạn qua Hải Dương, Quốc lộ 37 đoạn qua Hải Phòng - Thái Bình, Quốc lộ 38B các đoạn qua Hà Nam, Thái Bình, Ninh Bình, Hải Dương, tuyến Tân Vũ - Lạch Huyện; từng bước đầu tư xây dựng các cầu yếu trên các tuyến quốc lộ và một số dự án cấp bách khác.

b) Đường thủy nội địa:

- Duy trì cấp kỹ thuật các tuyến đường thủy quốc gia; Hoàn thành đầu tư các tuyến vận tải thủy khu vực đồng bằng Bắc Bộ trong dự án WB6.

- Kêu gọi vốn đầu tư nâng cấp các tuyến Quảng Ninh - Hải Phòng - Nam Định - Thái Bình, Quảng Ninh - Phả Lại, Ninh Bình - Hải Phòng.

c) Đường sắt: Hoàn thành đưa vào khai thác đoạn Hạ Long - Cái Lân, cải tạo nâng cấp tuyến Yên Viên - Lào Cai; phấn đấu hoàn thành tuyến đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông và từng bước nâng cao năng lực khai thác các tuyến hiện có.

d) Hàng không: Hoàn thành nhà ga hành khách T2, hệ thống đường lăn, sân đỗ nhà ga T2 - cảng hàng không Nội Bài; nâng cấp cảng hàng không Cát Bi; Huy động vốn đầu tư cảng hàng không Quảng Ninh.

đ) Đường biển: Xây dựng 2 bến khởi động của cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện hoàn thành vào năm 2017.

e) Hệ thống đường địa phương: Phối hợp, hỗ trợ các địa phương đầu tư đường ô tô đến trung tâm xã; từng bước cứng hóa hệ thống đường giao thông nông thôn.

3.2. Giai đoạn 2016 - 2020:

Hoàn thành các dự án đã khởi công xây dựng trong giai đoạn 2012 - 2015, tùy thuộc vào điều kiện nguồn lực của đất nước để tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình quan trọng, cụ thể như sau:

- Về đường bộ:

+ Hoàn thành công trình đã đình hoãn, giãn tiến độ giai đoạn 2012 - 2015; hoàn thành các tuyến quốc lộ đã khởi công giai đoạn 2013 - 2015.

+ Hoàn thành đầu tư các tuyến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ (6 làn cao tốc), Hà Nội - Lạng Sơn, Ninh Bình - Thanh Hoá, Hạ Long - Móng Cái; đưa vào cấp các quốc lộ, đầu tư các đoạn tuyến ven biển, các cầu yếu còn lại còn lại trong vùng.

- *Về đường thủy nội địa:* Tiếp tục huy động vốn nâng cấp các tuyến vận tải thủy hiện có để đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật như tuyến Ninh Bình - Thanh Hoá, Quảng Ninh - Phả Lại, Quảng Ninh - Hải Phòng - Nam Định - Ninh Bình. Từng bước nâng cao năng lực khai thác các tuyến đường thủy hiện có.

- *Về đường biển:* Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống cảng và luồng tàu một cách đồng bộ, đáp ứng nhu cầu vận tải của Vùng.

- *Về hàng không:* Huy động vốn tiếp tục đầu tư các cảng hàng không Cát Bi, Quảng Ninh.

- *Đường sắt:*

+ Phân đầu hoàn thành tuyến đường sắt Yên Viên - Lim - Phả Lại.

+ Tiếp tục huy động vốn đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam và các tuyến đường sắt hiện có; Phân đầu để có thể hoàn thành từng đoạn tuyến thuộc các tuyến đường sắt đô thị: Nhổn - ga Hà Nội, Nam Thăng Long - Thượng Đình, Yên Viên - Ngọc Hồi (giai đoạn 1).

+ Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt mới khổ 1435 mm trên đoạn Bắc - Nam trên địa bàn vùng, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Đồng Đăng và các tuyến kết nối với các cảng biển, khu kinh tế lớn.

Ngoài ra, tùy thuộc điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cụ thể trong từng giai đoạn, khả năng cân đối bố trí vốn ngân sách Nhà nước và khả năng huy động các nguồn vốn khác có thể nghiên cứu đầu tư hoặc điều chỉnh tiến độ xây dựng các công trình KCHTGT cấp bách khác trong phạm vi quy hoạch được duyệt.

3.3. Nhu cầu nguồn vốn:

- Giai đoạn 2012-2015: Tổng nhu cầu vốn khoảng 145.469 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2016-2020: Tổng nhu cầu vốn khoảng 192.486 tỷ đồng.

4. Giải pháp, chính sách phát triển

4.1. Giải pháp, chính sách tạo vốn đầu tư phát triển KCHTGT:

- Tích cực huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, từ các thành phần kinh tế, dưới nhiều hình thức khác nhau như BOT, BT, PPP; ưu tiên đầu tư một số công trình quan trọng cấp bách. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xúc tiến vận động nguồn vốn ODA, đẩy mạnh vận động các nhà tài trợ tiếp tục cung cấp ODA để phát triển KCHTGT, nhất là các công trình lớn, có sức lan tỏa, tạo ra đột phá lớn.

- Phối hợp với địa phương nhằm tăng cường huy động nguồn lực đất đai để phát triển KCHTGT thông qua khai thác quỹ đất; cho thuê quyền khai thác và chuyển nhượng có thời hạn tài sản hạ tầng đường bộ.

- Ưu tiên bố trí đủ nguồn vốn đối ứng các dự án ODA; bố trí đủ nguồn ngân sách để đầu tư một số công trình cấp bách, đặc biệt hệ thống cầu yếu và các công trình gia cố bền vững chống sạt lở.

4.2. Giải pháp, chính sách nâng cao hiệu quả đầu tư:

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đã có nguồn vốn để sớm đưa vào khai thác sử dụng, nhất là các dự án trọng điểm.

- Trong xây dựng kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm, sắp xếp thứ tự ưu tiên, trong đó tập trung vốn cho các công trình có tính lan tỏa, tạo sự kết nối giữa các phương thức, giữa các công trình trong vùng.

- Phối hợp, hỗ trợ các địa phương trong việc đầu tư KCHTGT thuộc thẩm quyền quản lý địa phương để khai thác đồng bộ với hệ thống KCHTGT quốc gia.

- Kết hợp đầu đường ven biển với đê biển.

4.3. Giải pháp, chính sách áp dụng khoa học - công nghệ:

- Rà soát, sửa đổi và bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, định ngạch cho phù hợp với thông lệ quốc tế, các nước khu vực và điều kiện thực tế của Việt Nam.

- Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ mới; sử dụng vật liệu mới, vật liệu sẵn có, tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với điều kiện vùng để phát triển KCHTGT vùng.

- Nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ để xử lý các vấn đề kỹ thuật xuất phát từ điều kiện địa chất, thủy văn phức tạp của khu vực nhằm làm giảm giá thành, nâng cao chất lượng, tính bền vững và ổn định của công trình.

- Tổ chức thẩm định an toàn giao thông đối với tất cả các công trình nâng cấp và xây dựng mới, tăng cường áp dụng các công nghệ giao thông thông minh để hỗ trợ và kiểm soát giao thông.

4.4. Giải pháp, chính sách phát triển nguồn nhân lực: Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ và công nhân lành nghề đồng bộ cả trong thiết kế, quản lý dự án, thi công và quản lý.

4.5. Giải pháp, chính sách tăng cường công tác quản lý bảo trì hệ thống KCHTGT: Dành phần vốn thích đáng cho công tác quản lý bảo trì.

4.6. Giải pháp, chính sách bảo vệ môi trường:

- Quản lý chặt chẽ việc thực hiện đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển KCHTGT, đặc biệt là các dự án đường cao tốc, cảng biển đi qua các khu vực bảo tồn; thực hiện tốt công tác giám sát quản lý môi trường và tăng cường kiểm tra thường xuyên công tác bảo vệ môi trường đối với các đơn vị xây dựng, sản xuất, kinh doanh giao thông vận tải.

- Kiểm soát chất lượng phương tiện và nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; khuyến khích sử dụng phương tiện và nhiên liệu sạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Vụ Kế hoạch - Đầu tư, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục quản lý chuyên ngành triển khai Định hướng và kế hoạch phát triển GTVT vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định này.

- Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông phối hợp với các đơn vị liên quan sử dụng hiệu quả quỹ bảo trì đường bộ để nâng cao tuổi thọ và chất lượng khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có.

- Các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung theo chức năng của mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ; Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam; Các Cục trưởng chuyên ngành, giám đốc các Sở GTVT tỉnh, thành phố thuộc vùng đồng bằng sông Hồng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT, TN&MT;
- UBND các tỉnh, TP vùng Đồng bằng sông Hồng;
- Các Thủ trưởng;
- Sở GTVT các tỉnh, TP vùng Đồng bằng sông Hồng;
- Website Bộ GTVT;
- Lưu VT, KHĐT (08).



~~Ký và ghi họ tên~~
25/10 Uchuy

PHỤ LỤC
Danh mục các dự án ưu tiên triển khai vùng đồng bằng sông Hồng
giai đoạn 2013 - 2015

STT	Danh mục công trình	Tiến độ đến 2015
1	Các tuyến cao tốc	
	- Tuyến Pháp Vân - Cầu Giẽ	Hoàn thành
	- Tuyến Nội Bài - Lào Cai	Hoàn thành
	- Tuyến Hà Nội - Hải Phòng	Hoàn thành
	- Tuyến Hà Nội - Thái Nguyên	Hoàn thành
	- Tuyến Ninh Bình - Thanh Hóa	Thực hiện đầu t
	- Tuyến Hà Nội - Lạng Sơn	Thực hiện đầu t
	- Tuyến Hạ Long - Móng Cái	Thực hiện đầu t
2	Quốc lộ	
2.1	Quốc lộ 1	
	- Đoạn Phủ Lý - cầu Đuan Vĩ.	Hoàn thành
	- Đoạn cầu Đuan Vĩ - cửa phía Bắc và cửa phía Nam - Dốc Xây	Hoàn thành
	- Kết nối cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với Quốc lộ 1	Hoàn thành
2.2	Quốc lộ 5	
	- Khôi phục, cải tạo mặt đường Quốc lộ 5	Hoàn thành
2.4	Quốc lộ 10	
	- Đoạn Tân Đệ - La Uyên	Hoàn thành
	- Đoạn Ninh Phúc - Cầu Điện Hộ	Hoàn thành
2.5	Quốc lộ 18	
	- Đoạn thành phố Uông Bí - thành phố Hạ Long	Hoàn thành
2.7	Quốc lộ 38	
	- Đoạn qua tỉnh Bắc Ninh (Km0 - Km22+465)	Thực hiện đầu t
	- Đoạn qua tỉnh Hưng Yên (Km33 - Km52)	Thực hiện đầu t
	- Nút giao Đông Văn; Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km213 - Km216, Km233+600 - Km235+885, cầu Phủ Lý và Quốc lộ 38 đoạn Nhật Tựu - Chợ Dầu	Hoàn thành
2.8	Quốc lộ 38B	
	- Đoạn từ Quốc lộ 10 – Quốc lộ 1A, qua Nam Định	Thực hiện đầu t
2.9	Quốc lộ 39	
	- Đoạn Km44 - Km64, Triều Dương - Hưng Hà	Thực hiện đầu t
	- Đoạn Vô Hối - Diêm Điền	Thực hiện đầu t
	- Cầu Trà Linh (Thái Bình)	Hoàn thành
2.10	Quốc lộ 21B	
	- Đoạn Chợ Dầu - Ba Đa, tỉnh Hà Nam	Hoàn thành

2.11	Quốc lộ 2C	
	- Dự án xây dựng cầu Vĩnh Thịnh	Hoàn thành
2.12	Quốc lộ 12B	
	- Đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình	Hoàn thành
2.13	Đường nối cao tốc Hà Nội-Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình	
	- Đoạn qua Hưng Yên	Hoàn thành
	- Cầu Hưng Hà	Thực hiện đầu tư
2.14	Đường nối sân bay Nội Bài - cầu Nhật Tân	Hoàn thành
2.15	Cầu Nhật Tân và đường đầu cầu	Hoàn thành
2.16	Tân Vũ - Lạch Huyện	Thực hiện đầu tư
3	Đường Vành đai	
3.1	Vành đai 3	
	- Hàm chui nút Thanh Xuân	Hoàn thành
	- Điều chỉnh nút giao cầu Thanh Trì với Quốc lộ 5	Hoàn thành
	- Hoàn chỉnh nút giao Trung Hoà	Thực hiện đầu tư
3.2	Vành đai 5	
	- Tuyến nối hai tỉnh Hà Nam - Thái Bình	Thực hiện đầu tư
3.3	Vành đai biên giới	
	- Quốc lộ 37 đoạn Km23+200 - Km47+888, qua Hải Dương	Thực hiện đầu tư
3.4	Đường ven biển	
	- Cầu Thịnh Long, Nam Định	Thực hiện đầu tư
4	Đường sắt	
4.1	Nâng cấp, cải tạo đường sắt hiện có	
	- Tuyến Yên Viên - Lào Cai	Thực hiện đầu tư
	- Tuyến Hạ Long - Cái Lân	Hoàn thành
4.2	Đường sắt đô thị	
	- Tuyến Yên Viên - Ngọc Hồi (giai đoạn 1)	Thực hiện đầu tư
	- Tuyến Cát Linh - Hà Đông	Thực hiện đầu tư
	- Tuyến Nhôn - Ga Hà Nội	Thực hiện đầu tư
	- Tuyến Nam Thăng Long - Thượng Đình (tuyến số 2)	Thực hiện đầu tư
5	Hàng không	
	- Xây dựng nhà ga T2 cảng hàng không quốc tế Nội Bài	Hoàn thành
	- Cải tạo, nâng cấp khu bay cảng hàng không quốc tế Cát Bi	Hoàn thành
6	Đường thủy	
	- Phát triển GTVT khu vực Bắc Bộ (Hành lang 1 và 3)	Thực hiện đầu tư
7	Đường biển	
	- Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Lạch Huyện)	Thực hiện đầu tư